

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
	02-03
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	04-05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06-28
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-07
Bảng cân đối kế toán	08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11-28
Thuyết minh báo cáo tài chính	29
Phụ lục 01: Danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn	

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5305-2025-002-1

Stamp on the right margin: CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		102.171.544.976	101.102.183.175
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.548.205.733	23.417.522.039
111	1. Tiền		16.548.205.733	2.257.522.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	21.160.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	83.094.264.478	75.000.774.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		83.172.483.278	75.000.774.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(78.218.800)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.403.149.955	2.601.630.609
132	1. Trả trước cho người bán	5	8.400.000	51.600.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	259.240.985	167.634.844
135	3. Các khoản phải thu khác	7	2.163.135.616	2.410.022.411
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(27.626.646)	(27.626.646)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		125.924.810	82.256.527
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	42.156.761	82.256.527
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	83.768.049	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		371.270.200	443.453.610
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		149.259.500	149.259.500
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	149.259.500	149.259.500
220	II. Tài sản cố định		176.696.114	272.886.110
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	18.637.499	25.027.499
222	- Nguyên giá		201.417.448	201.417.448
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182.779.949)	(176.389.949)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	158.058.615	247.858.611
228	- Nguyên giá		489.950.000	489.950.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(331.891.385)	(242.091.389)
260	V. Tài sản dài hạn khác		45.314.586	21.308.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	45.314.586	21.308.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		102.542.815.176	101.545.636.785

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.082.614.096	869.392.131
310	I. Nợ ngắn hạn		1.082.614.096	869.392.131
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	850.393.231	687.805.320
319	2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	153.944.731	6.630.677
323	3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		78.276.134	174.956.134
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	101.460.201.080	100.676.244.654
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
419	2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	54.906.131
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.405.294.949	621.338.523
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		102.542.815.176	101.545.636.785

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		48.269.720.000	90.000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		48.269.720.000	90.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	19	5.738.551.464	4.362.802.948
031	2.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		5.738.551.464	4.362.802.948
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	20	1.220.215.949.350	42.019.777.400
041	3.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.220.215.949.350	42.019.777.400
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	21	11.559.089.937	115.551.505
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	22	259.103.555	1.048.713.200



Lê Thùy Trang

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu	23	1.569.081.332	3.101.873.202
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		1.569.081.332	3.101.873.202
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	24	2.096.671.434	1.572.006.081
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(527.590.102)	1.529.867.121
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	8.067.014.694	4.887.762.878
22	7. Chi phí tài chính	26	1.679.990.723	1.019.143.186
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5.024.478.291	4.887.659.007
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		834.955.578	510.827.806
32	11. Chi phí khác	28	999.152	314.974.409
40	12. Lợi nhuận khác		(999.152)	(314.974.409)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		833.956.426	195.853.397
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	50.000.000	13.374.541
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		783.956.426	182.478.856
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	78	20



Lê Thủy Trang

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		55.922.875.573	34.502.010.587
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(99.313.185.493)	(29.128.707.642)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.845.709.426)	(3.897.785.106)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(133.768.049)	(13.374.541)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(10.000.000)
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.186.274.275)	(1.602.134.446)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(48.556.061.670)	(149.991.148)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(78.621.448.000)	(75.000.000.000)
24	2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		115.000.000.000	10.000.000.000
27	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		5.308.193.364	1.434.607.569
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.686.745.364	(63.565.392.431)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	75.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	75.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.869.316.306)	11.284.616.421
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		23.417.522.039	12.132.905.618
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	16.548.205.733	23.417.522.039



Lê Thùy Trang

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2025

Năm 2025	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	-	-	54.906.131
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		621.338.523	783.956.426		1.405.294.949
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	100.676.244.654	783.956.426	-	101.460.201.080

Năm 2024	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	75.000.000.000	-	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		54.906.131	-	(54.906.131)	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	-	-	54.906.131
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		383.953.536	237.384.987	-	621.338.523
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	25.493.765.798	75.237.384.987	(54.906.131)	100.676.244.654



Lê Thùy Trang
Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Võ Anh Tú
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2025***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (tên viết tắt: VFC) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh, thay đổi một số lần giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh gần nhất là số 103/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2024, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Việt Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 12 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 13 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị quản lý	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03-05 năm

2.8 . Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (03) tháng đến mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá trị thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khác được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác....

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

a, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b, Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn,
phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.19 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tự doanh, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	15.063.604	5.549.637
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.533.142.129	2.251.972.402
Các khoản tương đương tiền	-	21.160.000.000
	16.548.205.733	23.417.522.039

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	53.172.483.278	774.000
Hợp đồng tiền gửi	30.000.000.000	35.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	40.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(78.218.800)	-
	83.094.264.478	75.000.774.000

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được chi tiết trong Phụ lục 01 trang 29 kèm theo.

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Hăng Kiếm toán AASC	-	43.200.000
Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	8.400.000
	8.400.000	51.600.000

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	35.166.971	129.201.928
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	224.074.014	38.432.916
	259.240.985	167.634.844
Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	35.166.971	129.201.928

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	443.835.616	623.904.219
Phải thu cổ tức được chia	-	36.000
Phải thu về bán chứng khoán	1.719.300.000	-
Phải thu về lãi chứng chỉ tiền gửi	-	1.786.082.192
	2.163.135.616	2.410.022.411
Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	1.719.300.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	-	8.400.000	-
- Bà Đoàn Minh Phượng	18.970.163	-	18.970.163	-
- Các khách hàng ủy thác khác	256.483	-	256.483	-
	27.626.646	-	27.626.646	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên	15.247.500	11.529.933
Chi phí khác	26.909.261	70.726.594
	42.156.761	82.256.527

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	83.768.049	-
	83.768.049	-

11 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	149.259.500	149.259.500
	149.259.500	149.259.500

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là thiết bị quản lý có nguyên giá 201.417.448 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 182.779.949 VND, chi phí khấu hao trong năm là 6.390.000 VND.

13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là phần mềm có nguyên giá 489.950.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 331.891.385 VND. Tổng chi phí khấu hao trong năm là 89.799.996 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn,
phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.314.586	21.308.000
	45.314.586	21.308.000

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	629.849	-
Thuế Thu nhập cá nhân	849.763.382	687.805.320
	850.393.231	687.805.320

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư	98.052.877	-
Phải trả hộ thuế TNCN của các quỹ đầu tư	5.312.904	-
Phải trả phúc lợi cho người lao động	48.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	2.578.950	6.630.677
	153.944.731	6.630.677

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	54.906.131	54.906.131	383.953.536	25.493.765.798
Tăng vốn	75.000.000.000	-	-	-	75.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	182.478.856	182.478.856
Tăng/giảm khác	-	(54.906.131)	-	54.906.131	-
Tại ngày 31/12/2024	100.000.000.000	-	54.906.131	621.338.523	100.676.244.654
Tại ngày 01/01/2025	100.000.000.000	-	54.906.131	621.338.523	100.676.244.654
Lãi trong năm nay	-	-	-	783.956.426	783.956.426
Tại ngày 31/12/2025	100.000.000.000	-	54.906.131	1.405.294.949	101.460.201.080

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn,
phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	99,90	99.900.000.000	99,90	99.900.000.000
Ông Nguyễn Anh Vũ	0,05	50.000.000	0,05	50.000.000
Bà Hồ Thị Thùy Giang	0,05	50.000.000	0,05	50.000.000
	100	100.000.000.000	100	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	75.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng đặt trụ sở chính dài hạn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji với diện tích 50 m² tầng 11 Tòa nhà Doji Tower tại địa chỉ số 5 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội đến hết ngày 15/10/2030 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

19 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.362.802.948	59.609.279
Số tăng trong năm	2.890.828.416.896	164.053.053.973
Số giảm trong năm	(2.889.452.668.380)	(159.749.860.304)
Số dư cuối năm	5.738.551.464	4.362.802.948
Chi tiết số dư tại thời điểm:		
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Đá quý Thế giới	27.124.723	27.097.911
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Quang Minh	17.732.660	17.715.131
Nguyễn Trọng Sơn	218.194	38.725.211
Trịnh Ngọc Giao	2.890.879.246	4.270.995.416
Lê Võ Hoàng Lan	2.793.878.891	-
Công ty Cổ phần Real Stake Fintech	1.081.968	-
Các nhà đầu tư ủy thác khác	7.635.782	8.269.279
	5.738.551.464	4.362.802.948

20 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Cổ phần Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam (ACSV)	35.250.000.000	35.250.000.000
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	1.504.800.000	774.000.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (HKB)	14.814.500	17.777.400
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	1.204.280.000	-
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG)	1.685.648.250	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)	1.195.600.000	978.000.000
- Cổ phiếu niêm yết khác	2.088.281.600	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.177.272.525.000	5.000.000.000
	1.220.215.949.350	42.019.777.400

21 . CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu phí QLDM của NĐT Ủy thác	98.088.184	98.291.231
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.461.001.753	17.260.274
	11.559.089.937	115.551.505

22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phí lưu ký phải trả	42.945.080	25.819.823
Phí giao dịch phải trả	11.311.107	11.311.107
Phí quản lý danh mục	204.847.368	19.206.270
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	992.376.000
	259.103.555	1.048.713.200

23 . DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	563.590.193	739.619.533
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.005.491.139	362.253.669
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.000.000.000
	1.569.081.332	3.101.873.202

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
	563.590.193	739.619.533

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn,
phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

24 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên trực tiếp	1.503.467.917	1.483.974.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.410.702	24.347.029
Chi phí tư vấn	-	63.684.545
Chi phí hoạt động quản lý Quỹ ĐTCK và Công ty ĐTCK	562.792.815	-
	2.096.671.434	1.572.006.081

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi	2.976.582.569	3.648.047.028
Cổ tức, lợi nhuận được chia	181.104.000	40.103.500
Doanh thu từ hoạt động đầu tư	4.909.328.125	1.199.612.350
	8.067.014.694	4.887.762.878
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	3.959.778	2.128.652

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	1.500.471.240	976.368.850
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	78.218.800	-
Chi phí tài chính khác	101.300.683	42.774.336
	1.679.990.723	1.019.143.186

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.706.297.523	3.728.585.901
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	32.433.709	105.866.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.189.996	96.189.996
Thuế, phí và lệ phí	27.921.120	11.158.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.161.635.943	945.857.580
	5.024.478.291	4.887.659.007

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	999.152	314.974.409
	999.152	314.974.409

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	833.956.426	195.853.397
Các khoản điều chỉnh tăng	25.515.282	563.090.347
- Chi phí không hợp lệ	999.152	314.974.409
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	24.516.130	248.115.938
Các khoản điều chỉnh giảm	(859.471.708)	(758.943.744)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(181.104.000)	(40.103.500)
- Chuyển lỗ các năm trước	(678.367.708)	(718.840.244)
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế TNDN tạm tính quý 4 năm 2025	50.000.000	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	13.374.541
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	50.000.000	13.374.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(133.768.049)	(13.374.541)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(83.768.049)	-

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	783.956.426	182.478.856
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	783.956.426	182.478.856
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	9.075.342
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	78	20

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (chứng khoán) ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư ngắn hạn	53.094.264.478	-	-	53.094.264.478
	<u>53.094.264.478</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>53.094.264.478</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	774.000	-	-	774.000
	<u>774.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>774.000</u>

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	16.533.142.129	-	-	16.533.142.129
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Các khoản phải thu	2.403.149.955	149.259.500	-	2.552.409.455
	<u>48.936.292.084</u>	<u>149.259.500</u>	<u>-</u>	<u>49.085.551.584</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	23.411.972.402	-	-	23.411.972.402
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000
Các khoản phải thu	2.601.630.609	149.259.500	-	2.750.890.109
	<u>101.013.603.011</u>	<u>149.259.500</u>	<u>-</u>	<u>101.162.862.511</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	153.944.731	-	-	153.944.731
	<u>153.944.731</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>153.944.731</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.630.677	-	-	6.630.677
	<u>6.630.677</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.630.677</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)	Công ty mẹ
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt (VVIF)	Quỹ thành viên do Công ty quản lý (Đã giải thể từ ngày 30/07/2025)
Quỹ ETF VFCVN DIAMOND (VFCVND)	Quỹ hoán đổi danh mục do Công ty quản lý (Thành lập ngày 11/08/2025)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	Công ty con của TPBank từ 31/12/2025
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty	Người nội bộ của Công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	563.590.193	739.619.533
Quỹ ETF VFCVN DIAMOND (VFCVND)	155.731.690	-
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt (VVIF)	407.858.503	739.619.533
Doanh thu hoạt động tài chính	3.959.778	2.128.652
Lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3.959.778	2.128.652
Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	42.391.304	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	42.391.304	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn	15.558.921.398	1.858.394.482
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3.953.044.791	1.858.394.482
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	11.605.876.607	-
Phải thu các hoạt động nghiệp vụ	35.166.971	129.201.928
Quỹ ETF VFCVN DIAMOND (VFCVND)	35.166.971	-
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt (VVIF)	-	129.201.928
Phải thu về bán chứng khoán	1.719.300.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	1.719.300.000	-

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Ông Nguyễn Việt Anh - Chủ tịch HĐQT (*)	-	100.173.913
Ông Phạm Huy Trung - Thành viên HĐQT (*)	-	66.782.609
Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thành viên HĐQT	24.516.130	-
Bà Nguyễn Thị Huyền - Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	40.597.710
Bà Trần Thị Mai Quỳnh - Nguyên Thành viên HĐQT	-	20.289.853
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Nguyên Thành viên HĐQT	-	20.289.853

(*) Theo biên bản Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 số 02/2025/BBH-VFC-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua đơn đề nghị không nhận thù lao Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Việt Anh và Ông Phạm Huy Trung năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn,
phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bà Võ Anh Tú	2.024.000.000	1.978.483.261

Thu nhập của Ban Kiểm soát

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Ông Ngô Trung Dũng	60.000.000	41.739.130
Bà Hoàng Khánh Ly	36.000.000	25.043.478
Bà Nguyễn Thùy Anh	36.000.000	25.043.478

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thùy Trang

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc